

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2915 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2684/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực

vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, điều chỉnh lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 624/TTr-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2023 và văn bản số 9404/STNMT-VP ngày 10 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Về thủ tục hành chính

a) Lĩnh vực tài nguyên nước

Sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (Thủ tục “Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ”).

b) Lĩnh vực khoáng sản

Sửa đổi, bổ sung 16 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc

công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

2. Về quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành

Thay thế 16 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành cấp tỉnh, gồm:

+ 01 quy trình đã được ban hành tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 23/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tỉnh Đồng Nai (quy trình số 17).

+ 13 quy trình đã được ban hành tại Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh (gồm các quy trình 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 18).

+ 02 quy trình đã được ban hành tại Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, điều chỉnh lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai (gồm các quy trình số 1, 2).

(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực khoáng sản tương ứng đã được công bố tại các Quyết định số: 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020, 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, gồm các mã thủ tục hành chính: 2.001738 (lĩnh vực tài nguyên nước); 1.000778, 1.004481, 2.001814, 1.005408, 2.001787, 1.004083, 1.004446, 1.004434, 1.004433, 2.001783, 1.004345, 1.004135, 1.004367, 2.001781, 1.004343, 2.001777 (lĩnh vực khoáng sản).

Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định này thay thế các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tương ứng tại các Quyết định số: 872/QĐ-UBND ngày 23/03/2020 (quy trình số 17); 3297/QĐ-

UBND ngày 15/9/2021 (các quy trình 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 18), 4217/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 (quy trình số 1, 2) của Chủ tịch UBND tỉnh.

Các nội dung khác tại các Quyết định số: 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020, 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023, 872/QĐ-UBND ngày 23/03/2020, 3297/QĐ-UBND ngày 15/9/2021, 4217/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Phần mềm một cửa điện tử - Egov) theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Q.Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THỂ LỆ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG								
I. Lĩnh vực Tài nguyên nước								
1	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	16 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2684/QĐ-BTNMT ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

¹ Phần chữ in nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung

² Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thc-qtqc-dinh-cong-bo.html>)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
II Lĩnh vực Địa chất - Khoáng sản								
1	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	87 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	1.005408	Trà lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
5	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	184 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
7	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án dầu tư xây dựng công trình	87 ngày làm việc hoặc 40 ngày làm việc hoặc 57 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	1.004434	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh (Hội đồng đầu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	(1) Luật Đầu giá tài sản ngày 17/11/2016 (2) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
9	1.004433	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	34 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh (Hội đồng đầu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	(1) Luật Đầu giá tài sản ngày 17/11/2016 (2) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
10	2.001783	Giấy hạn khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
12	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
13	1.004367	Đóng cửa mộ khoáng sản	78 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mộ	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	33 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	1.004343	Gia hạn Giấy	18 ngày làm	Nộp hồ sơ:	- Cơ quan có thẩm	Thông tư số	Nghị định số	Nội dung TTHC thực

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Ghi chú ²
		phép khai thác tận thu khoáng sản	việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Tài chính	22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	21 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	Không có	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC THAY THẾ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên Phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
I LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN						
1	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	87 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	20

2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	22
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	23
4	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	24

5	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	184 ngày làm việc	Nộp hồ sơ : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	25
6	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	27
7	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Trường hợp: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc - Trường hợp: Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày làm việc - Trường hợp: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 57 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	28

8	1.004434	Dầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	32
9	1.004433	Dầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	34 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	33
10	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	34

11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	35
12	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	36
13	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	78 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	37

14	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	33 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	39
15	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	40
16	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	21 ngày làm việc	Nộp hồ sơ : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	Đã có, cần thay thế	41

PHẦN II
NỘI DUNG QUY TRÌNH

I. CẤP TỈNH

A. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

QUY TRÌNH (01)
Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 87 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (87 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→ Trung tâm PVHCC	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC		→ Văn phòng	0,5 ngày
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→ Phòng TNN, KS	03 ngày
Khu vực đấu giá	Khu vực không đấu giá	→ - Phòng TNN, KS - Văn phòng UBND tỉnh - Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
Phiếu tiếp nhận hồ sơ	Đăng và thông báo công khai (thời gian đăng thông tin là 30 ngày)		
	Lấy ý kiến các Sở, ngành, chuyên gia	→ Phòng TNN, KS	12 ngày
	Họp Hội đồng để xét chuyển trả hồ sơ		05 ngày
	Tổng hợp ý kiến, dự thảo Văn bản lựa chọn đơn vị		04 ngày
	Trình ký	→ Văn phòng	0,5 ngày
	Ký duyệt	→ Lãnh đạo Sở	02 ngày
	Trình UBND tỉnh	→ Văn phòng	0,5 ngày
	Duyệt lựa chọn đơn vị thăm dò	→ UBND tỉnh	05 ngày
	Nhận kết quả từ UBND tỉnh	→ Văn phòng	0,5 ngày

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (87 ngày)	
	Trả kết quả	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Lấy ý kiến các Sở, ngành; kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích); lấy ý kiến Hội đồng kỹ thuật, chuyên gia		→	- Phòng TNN, KS - Doanh nghiệp		12 ngày	
Tổng hợp ý kiến góp ý và thông báo Doanh nghiệp chỉnh sửa đề án thăm dò					05 ngày	
Tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa		→	- Phòng TNN, KS - Doanh nghiệp		01 ngày	
Tổ chức họp Hội đồng					05 ngày	
Hoàn chỉnh biên bản và yêu cầu Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ					04 ngày	
Tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa		→	Phòng TNN, KS		01 ngày	
Thẩm định hồ sơ; dự thảo Tờ trình, Giấy phép					10 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh		TH duyệt	07 ngày
					TH không duyệt	07 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	

QUY TRÌNH (02)
Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết:

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích)					27 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh		TH duyệt	05 ngày
					TH không duyệt	05 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		01 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC			

QUY TRÌNH (03)
Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu và giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng	01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS	03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích)				28 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng	0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở	02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng	01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	05 ngày
				TH không duyệt	05 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt				
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS	1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở	01 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng	0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày

QUY TRÌNH (04)
Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại
một phần diện tích thăm dò khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích)					27 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh		TH duyệt	05 ngày
					TH không duyệt	05 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		02 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	

QUY TRÌNH (05)
Phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 184 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (184 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng	01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ	→	Phòng TNN, KS	03 ngày	
Kiểm tra công tác thăm dò, kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích)			30 ngày	
Lấy ý kiến Sở, ngành và chuyên gia			56 ngày	
Tổng hợp ý kiến, thông báo Doanh nghiệp chỉnh sửa báo cáo			30 ngày	
Tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa	→	Phòng TNN, KS	01 ngày	
Tổ chức họp Hội đồng Tư vấn kỹ thuật			30 ngày	
Hoàn chỉnh biên bản, yêu cầu Doanh nghiệp chỉnh sửa báo cáo			10 ngày	
Tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa	→	Phòng TNN, KS	01 ngày	
Dự thảo Tờ trình, Quyết định			06 ngày	
Trình ký	→	Văn phòng	01 ngày	
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	02 ngày	
Trình UBND tỉnh	→	Văn phòng	01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)	→	UBND tỉnh	TH duyệt	06 ngày
			TH không duyệt	06 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt			

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (184 ngày)	
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	01 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		02 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC			

QUY TRÌNH (06)

Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng	0,5 ngày
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ	→	Phòng TNN, KS	01 ngày
Kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích), lấy mẫu			02 ngày
Lấy ý kiến các Sở, ngành			01 ngày
Thẩm định hồ sơ; tổng hợp ý kiến các Sở, ngành			01 ngày
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	01 ngày
Trình UBND tỉnh		Văn phòng	0,5 ngày
UBND tỉnh phê duyệt	→	UBND tỉnh	02 ngày
Nhận kết quả từ UBND tỉnh		Văn phòng	0,5 ngày
Trả kết quả	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày

QUY TRÌNH (07)**Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình****1. Thời hạn giải quyết****1.1 Lưu đồ 1: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản**

Không quá 87 ngày làm việc.

1.2 Lưu đồ 2: Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản

Không quá 40 ngày làm việc.

1.3 Lưu đồ 3: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

Không quá 57 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết**2.1 Lưu đồ 1: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản**

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (87 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng	0,5 ngày
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ			03 ngày
Lấy ý kiến Sở ngành; kiểm tra thực địa (tọa độ, diện tích)	→	Phòng TNN, KS	24 ngày
Các Sở, ngành cho ý kiến	→	Các đơn vị liên quan được lấy ý kiến	
Thẩm định, dự thảo Tờ trình phê duyệt tiền cấp quyền	→	Phòng TNN, KS	14 ngày
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Trình UBND tỉnh	→	Văn phòng	0,5 ngày
Phê duyệt quyết định tiền cấp quyền khai thác	→	UBND tỉnh	05 ngày
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	→	Văn phòng	01 ngày

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (87 ngày)	
Phát hành Quyết định tiền cấp quyền khoáng sản		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Doanh nghiệp nộp tiền cấp quyền		→	Doanh nghiệp			
Tiếp nhận văn bản xác nhận đã nộp tiền cấp quyền		→	Phòng TNN, KS		01 ngày	
Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khoáng sản					21 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		1,5 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh		TH duyệt	07 ngày
					TH không duyệt	07 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	

2.2 Lưu đồ 2: Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản

2.2 Lưu đồ 2-Biểu trình Giấy phép

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (40 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các Sở ngành					20 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	07 ngày	
				TH không duyệt	07 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		02 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		02 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		

2.3 Lưu đồ 3: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

từ xây dựng công trình

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (57 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các Sở ngành					10 ngày	
Các Sở, ngành cho ý kiến		→	Các đơn vị liên quan được lấy ý kiến			
Thẩm định nội dung, tổng hợp ý kiến các Sở ngành		→	Phòng TNN, KS		32 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	03 ngày	
				TH không duyệt	03 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		02 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		

QUY TRÌNH (08)**Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản**

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 34 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (34 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng	0,5 ngày
Xét chọn hồ sơ	→	Phòng TNN, KS	15 ngày
Dự thảo Văn bản thông báo đơn vị được xét chọn			
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Gửi Thông báo đến đơn vị được xét chọn	→	Phòng TNN, KS	04 ngày
Đơn vị được lựa chọn nộp tiền, Phòng chuyên môn kiểm tra kết quả nộp tiền	→	Doanh nghiệp	03 ngày
Tổ chức đấu giá, dự thảo kết quả đấu giá	→	Phòng TNN, KS	
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt kết quả đấu giá trình UBND tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
Trình UBND tỉnh	→	Văn phòng	0,5 ngày
Phê duyệt kết quả đấu giá	→	UBND tỉnh	05 ngày
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	→	Văn phòng	0,5 ngày
Trả kết quả	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày

QUY TRÌNH (09)

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 34 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (34 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng	0,5 ngày
Xét chọn hồ sơ	→	Phòng TNN, KS	15 ngày
Dự thảo Văn bản thông báo đơn vị được lựa chọn			
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Gửi Thông báo đến đơn vị được xét chọn	→	Phòng TNN, KS	04 ngày
Đơn vị được lựa chọn nộp tiền, Phòng chuyên môn kiểm tra kết quả nộp tiền	→	Doanh nghiệp	03 ngày
Tổ chức đấu giá, dự thảo kết quả đấu giá	→	Phòng TNN, KS	
Trình ký	→	Văn phòng	0,5 ngày
Ký duyệt kết quả đấu giá trình UBND tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
Trình UBND tỉnh	→	Văn phòng	0,5 ngày
Phê duyệt kết quả đấu giá	→	UBND tỉnh	05 ngày
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	→	Văn phòng	0,5 ngày
Trả kết quả	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày

QUY TRÌNH (10)
Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích)					27 ngày	
Thẩm định nội dung, tổng hợp hồ sơ						
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	05 ngày	
				TH không duyệt	05 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		

QUY TRÌNH (11)

Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích)					27 ngày	
Thẩm định nội dung, tổng hợp hồ sơ						
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	05 ngày	
				TH không duyệt	05 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0.5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		

QUY TRÌNH (12)
Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (45 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		01 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích)		→			27 ngày	
Thẩm định nội dung, tổng hợp hồ sơ		→				
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	05 ngày	
				TH không duyệt	05 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		1,5 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		0,5 ngày

QUY TRÌNH (13)
Đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 78 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (78 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	- Phòng TNN, KS - Doanh nghiệp		03 ngày	
Kiểm tra thực địa; lấy ý kiến các Sở ngành, các thành viên Hội đồng thẩm định và chuyên gia					15 ngày	
Tổng hợp ý kiến góp ý, thông báo Doanh nghiệp chỉnh sửa đề án					04 ngày	
Tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa		→	- Phòng TNN, KS - Doanh nghiệp		01 ngày	
Tổ chức họp Hội đồng					07 ngày	
Hoàn chỉnh biên bản, yêu cầu Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ					04 ngày	
Tiếp nhận Đề án sau chỉnh sửa		→	Phòng TNN, KS		01 ngày	
Dự thảo Tờ trình, Quyết định					04 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		01 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		01 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	06 ngày	
				TH không duyệt	06 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (78 ngày)		
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày	
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày	
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Thực hiện theo Quyết định phê duyệt			→		Doanh nghiệp		
Tiếp nhận Báo cáo kết quả thực hiện đề án đã thực hiện			→		Phòng TNN, KS	01 ngày	
Phối hợp với các đơn vị kiểm tra thực địa			→			10 ngày	
Tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình, Quyết định			→			03 ngày	
Trình ký			→		Văn phòng	0,5 ngày	
Ký duyệt			→		Lãnh đạo Sở	1,5 ngày	
Trình UBND tỉnh			→		Văn phòng	0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)			→		UBND tỉnh	TH duyệt	04 ngày
						TH không duyệt	04 ngày
Trường hợp phê duyệt			Trường hợp không phê duyệt				
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày	
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày	
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		01 ngày	
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày	
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC			0,5 ngày	

QUY TRÌNH (14)
Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 33 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (33 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC	→	Văn phòng		0,5 ngày
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ	→	Phòng TNN, KS		03 ngày
Kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích); thẩm định hồ sơ				14 ngày
Tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình, Quyết định				02 ngày
Trình ký	→	Văn phòng		01 ngày
Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở		02 ngày
Trình UBND tỉnh	→	Văn phòng		0,5 ngày
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)	→	UBND tỉnh	TH duyệt	05 ngày
			TH không duyệt	05 ngày
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt			
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→	Phòng TNN, KS	1,5 ngày
	Ký duyệt	→	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→	Văn phòng	0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→	Trung tâm PVHCC	0,5 ngày

QUY TRÌNH (15)
Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 18 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (18 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích)					04 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		02 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	03 ngày	
				TH không duyệt	03 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		

QUY TRÌNH (16)
Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 21 ngày làm việc.

2. Lưu đồ giải quyết

2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc			Đơn vị thực hiện		Thời gian giải quyết (21 ngày)	
Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)		→	Trung tâm PVHCC		0,5 ngày	
Nhận hồ sơ từ TTPVHCC		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Kiểm tra và hướng dẫn hồ sơ		→	Phòng TNN, KS		03 ngày	
Thẩm định nội dung hồ sơ, kiểm tra thực địa (toạ độ, diện tích)					06 ngày	
Tổng hợp nội dung, dự thảo Tờ trình, Quyết định					02 ngày	
Trình ký		→	Văn phòng		0,5 ngày	
Ký duyệt		→	Lãnh đạo Sở		01 ngày	
Trình UBND tỉnh		→	Văn phòng		0,5 ngày	
UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh)		→	UBND tỉnh	TH duyệt	03 ngày	
				TH không duyệt	03 ngày	
Trường hợp phê duyệt	Trường hợp không phê duyệt					
Nhận kết quả từ UBND tỉnh	Trả hồ sơ Sở TN&MT	→	Văn phòng	Văn phòng	01 ngày	0,5 ngày
	Dự thảo Văn bản trả	→		Phòng TNN, KS		01 ngày
	Ký duyệt	→		Lãnh đạo Sở		1,5 ngày
	Chuyển TTPVHCC	→		Văn phòng		0,5 ngày
Trả kết quả	Trả hồ sơ	→		Trung tâm PVHCC		